TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **264**/2026/DS-PT
Ngày 26 - 3 - 2026
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Minh Trung**

Ông **Phùng Văn Định**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Chọn** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhỏ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1977. Căn cước công dân số: 096077012912, cấp ngày 10/08/2021. Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1948. Căn cước công dân số: 096148003943, cấp ngày 09/08/2021; Ông **Huỳnh Văn T1**, sinh năm 1948. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà N ông T1: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau, theo ủy quyền ngày 12/3/2026 và 23/3/2026 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ngày 15/8/2010 âm lịch bà N, ông T1 có mở dây hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng khui một kỳ, có 49 kỳ, ông tham gia một phần. Đến kỳ hụi thứ 36 thì ông bỏ hụi hốt hụi nhưng phía bà N và ông T1 nói

hụi viên khác cần tiền hốt nên ông để lại cho hụi viên khác. Đến kỳ mở hụi thứ 37 thì ông T1, bà N tuyên bố đình hụi. Sau khi đình hụi thì bỏ thăm hốt hụi bà N có viết giấy hụi ngày 15/11/2013 âl. Số tiền ông đã đóng được 37 kỳ bằng 370.000.000 đồng, trừ tiền cò 5.000.000 đồng, bà N, ông T1 xin nợ lại 80.000.000 đồng còn lại thiếu 285.000.000 đồng, ông T1, bà N đã trả 4 lần được số tiền 155.000.000 đồng, còn thiếu 210.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà N, ông T1 trả 210.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày: Bà thừa nhận có mở dây hụi ngày 15/8/2010 âm lịch, loại hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng khui một kỳ, có 49 phần, phía ông T là hụi viên đã đóng được 37 kỳ thì đình hụi. Khi đình hụi bà thừa nhận có viết giấy hụi cho ông T vào ngày 15/11/2013 al (ngày đình hụi). Sau khi đình hụi thì các hụi viên có thống nhất trả số tiền gốc hụi viên đã đóng, số tiền gốc ông T đã đóng hụi 186.800.000 đồng. Bà đã trả cho ông T 04 lần được 155.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền gốc ông T đã đóng 31.800.000 đồng, Sự việc đình hụi đã lâu nhưng phía ông T không khởi kiện bà, bà yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau đã Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T. Buộc bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn T1 trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 210.000.000đ

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 06/01/2026, bà N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bà chỉ thiếu ông T 31.800.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Hai đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới.

Ông T2 cho rằng theo bản chiết tính bà N viết cho ông T, số nợ cuối cùng là 185.000.000đ, sau đó bà N đã trả cho ông T 4 lần bằng 155.000.000đ, đối trừ bà N còn nợ 30.000.000đ. Đối với số tiền trong bảng chiết tính bà N nợ lại 80.000.000đ xin tách ra ông T được khởi kiện bà N trong vụ án khác, nên kiến nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa án sơ thẩm bà N có nghĩa vụ trả cho ông T 30.000.000đ.

Ông T cho rằng số tiền án sơ thẩm tuyên buộc bà N trả cho ông 210.000.000đ là có số tiền 80.000.000đ cho nợ trong bản triết tính, nên ông yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng HĐXX và các đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về nội dung, tại phiên tòa ông T thừa nhận số tiền 155.000.000đ bà N trả cho ông sau ngày bà N viết bản triết tính, nên cần đối trừ số tiền này vào số tiền còn lại trong biên nhận, còn số tiền 80.000.000 trong bản triết tính cần buộc bà N trả số tiền này cùng với số tiền sau khi đã đối trừ còn lại, như vậy tổng số tiền bà N phải trả cho ông T là 110.000.000đ, nên kiến nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của

bà N, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được bà N thực hiện đúng quy định tại các điều 272, 273 BLTTDS nên HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của ông theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết đúng quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà N: Về nội dung yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, giao dịch ban đầu giữa các đương sự là giao dịch hụi, và đình hụi ngày 15/11/2013 al, cùng thời điểm này bà N đã viết bản triết tính hụi giao cho ông T thể hiện tại (BL 58), sau thời gian viết bản triết tính bà N đã trả dần cho ông T 4 lần, lần sau cùng bà N trả cho ông T 5.000.000đ vào ngày 25/02/2015, từ thời điểm này tính đến nay đã 11 năm, theo quy định tại điều 429 BLDS thời hiệu khởi kiện là 3 năm, tuy nhiên theo quy định tại khoản 2, Điều 155 BLDS không áp dụng thời hiệu trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu tài sản, khoản tiền nợ bà N còn thiếu ông T là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T, và theo khoản 1, Điều 166 BLDS về quyền đòi tài sản, quy định chủ sở hữu có quyền đòi tài sản từ người chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật, điều luật này không quy định thời hiệu khởi kiện, nên ông T có quyền khởi kiện bà N đòi lại tài sản là khoản tiền này, án sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là đòi tài sản, không áp dụng thời hiệu khởi kiện và thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ đối với vợ chồng bà N là phù hợp, do đó yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà N là không phù hợp.

Về số tiền ông T1 bà N còn nợ chưa thanh toán, án sơ thẩm căn cứ vào thừa nhận của hai đương sự rằng ông T đóng hụi được 37 kỳ bằng 370.000.000đ trừ cò 5.000.000đ còn lại 365.000.000đ, sau đó bà N đã trả được 4 lần bằng 155.000.000đ, đối trừ còn lại 210.000.000đ và buộc vợ chồng bà N hoàn trả số tiền này là chưa xem xét toàn diện các chứng cứ mà các đương sự cung cấp. Theo bản triết tính bà N viết cho ông T (BL 58) do ông T cung cấp, có nội dung thể hiện: Số tiền nợ hụi chết 370.000.000đ, tiền cò 5.000.000đ, tiền cho nợ đến khi mãn 80.000.000đ, hụi sẽ trả dần 285.000.000đ, giao Tới 100.000.000đ, còn lại 185.000.000đ. Số tiền bà N thanh toán cho ông T 4 lần được ông T thừa nhận bằng 155.000.000đ, đây là số tiền được bà N thanh toán sau khi viết bản triết tính giao cho ông T (BL 48), do 4 lần nhận tiền ông T đều viết nhận tiền phía dưới bản triết tính tiền, đồng thời tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận số tiền 155.000.000đ ông nhận của bà N đều nhận sau khi bà N viết bản triết tính, do đó cần phải trừ số tiền này vào số tiền còn lại trong bản triết tính, vì vậy sau khi đối trừ 185.000.000đ – 155.000.000đ số tiền bà N còn nợ ông T là 30.000.000đ. Tuy nhiên theo nội dung bản triết tính còn một khoản tiền 80.000.000đ ghi *cho nợ lại khi mãn*, tại phiên tòa phúc thẩm ông Trung đại D cho bà N lý giải đây là khoản tiền của một số tay em trong dây hụi còn nợ lại, ông T đồng ý cho bà N gom trả lại cho ông khi mãn hụi, đồng thời ông T2 cũng thừa nhận bà N chưa gom được và chưa trả cho ông T số

tiền này, do đây là hụi có lãi nên bà N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T số tiền hai bên triết đã chiết tính, không phụ thuộc vào việc bà N có gom được nợ của các tay em hay không, như vậy số tiền bà N còn nợ ông T là 30.000.000đ + 80.000.000đ = 110.000.000đ, do đó cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà N như phân tích trên là phù hợp.

Ngoài ra theo kháng cáo của bà N, cũng như trình bày của ông T2 tại phiên tòa cho rằng khi đình hụi ông T đồng ý cho bà N trả vốn không tính lãi, tuy nhiên theo bản triết tính bà N viết cho ông T không thể hiện việc ông T cho lãi, ngược lại thể hiện đầy đủ tổng số tiền nợ hụi, số tiền trừ cò, số tiền cho nợ đến mãn hụi, số tiền đã thanh toán và số tiền còn lại, nên tại phiên tòa ông T2 thay đổi số tiền còn phải trả cho ông T 30.000.000đ là phù hợp với nhận định trên. Vấn đề ông T2 yêu cầu tách số tiền nợ 80.000.000đ trong bản triết tính nợ cho ông T khởi kiện thành vụ án khác là không phù hợp, bởi số tiền này là số nợ của một chân hụi trong cùng dây hụi và nợ cùng một người, khi giải quyết tranh chấp cần giải quyết dứt điểm, nên không thể tách ra như yêu cầu của ông T2.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Án phí dân sự: Do sửa án sơ thẩm nên HĐXX điều chỉnh lại án phí sơ thẩm theo quy định tại điều 147 BLTTDS. Án phí phúc thẩm, bà N được miễn nộp theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị HĐXX không can thiệp điều chỉnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148,309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị N. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T. Buộc bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn T1 trả cho ông T số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). *Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N ông T1 không tự nguyện thi hành xong khoảng tiền trên, thì ông bà phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T kiện đòi bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn T1 hoàn trả số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 5.000.000đ, ngày 15/10/2025 ông đã nộp tạm ứng số tiền 5.250.000 đồng tại lai thu số 0002058 của Thi hành án dân tỉnh Cà Mau, đối trừ ông được nhận lại 250.000đ.

Bà Lê Thị N và ông Huỳnh Văn T1 là người cao tuổi được miễn nộp.

- Án phí phúc thẩm: Bà N được miễn nộp và miễn dự nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân KV 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS KV 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ninh Quang Thế